

THÀNH PHẦN KHU HỆ CHÓ NHÀ TẠI TỈNH HÀ GIANG, VIỆT NAM

BÙI XUÂN PHƯƠNG, TRỊNH QUỐC KHÁNH, ĐINH THẾ DŨNG,
TRẦN HỮU CÔI, NGUYỄN TIẾN TÙNG

I. MỞ ĐẦU

Hà Giang là tỉnh miền núi phía Bắc, có 11 huyện thị và 24 dân tộc cùng sinh sống. Do điều kiện địa hình, đường giao thông khó khăn, các khu dân cư sống biệt lập, mỗi dân tộc có một phương thức chăn nuôi khác nhau, phụ thuộc vào tập quán canh tác, điều kiện tự nhiên, tạo nên cơ cấu vật nuôi đa dạng và đặc trưng cho từng khu vực. Đặc biệt là một số dân tộc có giống chó riêng sử dụng vào việc canh nhà, săn bắn. Đây là điều kiện thuận lợi để khảo sát thành phần khu hệ chó nhà, thống kê nguồn gen quý phục vụ cho công tác bảo tồn và khai thác sử dụng. Từ năm 2006, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga đã khảo sát khu hệ chó nhà tại đây. Dưới đây chúng tôi xin trình bày một số kết quả thu được nhằm góp thêm tài liệu phục vụ công tác bảo tồn và phát triển ứng dụng giống chó bản địa Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp điều tra, nghiên cứu

- Thành phần chó nhà tại tỉnh Hà Giang được điều tra theo tuyến, kết hợp điều tra ngẫu nhiên. Tại mỗi huyện điều tra 5 xã, có tính đến yếu tố địa hình, phân bố dân cư, tập quán canh tác, sử dụng bản đồ địa hình, bản đồ hành chính và thiết bị định vị GPS; việc điều tra đi từ vùng trung tâm đông dân cư đến vùng hẻo lánh, thưa dân, từ gần đến xa, từ thấp lên cao.

- Việc phân loại chó được dựa vào tài liệu chuyên ngành (Vladimir Sokolov, 2001), giống chó địa phương dựa vào đặc điểm hình thái các số đo cơ bản và phỏng vấn dân địa phương và hỏi ý kiến các chuyên gia, có tính đến yếu tố phả hệ (Đỗ Xuân Thanh và cs., 1996; Trần Anh Tuấn và cs., 1993). Ở đây, giống chó lai được xem là giống chó được tạo bởi sự lai tạo giữa hai hay nhiều giống;

- Phương thức chăn nuôi, mục đích sử dụng, công tác thú y điều tra theo phương pháp PRA điều tra nhanh nông thôn, được tiến hành theo mô tả trong tài liệu tập huấn của tổ chức FAO;

- Cách gọi tên: Hiện tại ở nước ta, mới chỉ có hai giống (Giống H'mông cộc đuôi và Giống chó Phú Quốc) được công nhận cấp Quốc gia, do vậy với các giống chó khác chưa được công nhận chúng tôi quy ước gọi là dạng chó.

- Cách phân chia khu vực theo địa hình: *Vùng I* là vùng cao núi đá phía Bắc gồm 4 huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và Quản Bạ, diện tích toàn vùng là 2.352,7 km², dân số trên 20 vạn người, chiếm xấp xỉ 34,3% dân số toàn tỉnh. *Vùng II* là vùng cao núi đất phía Tây gồm các huyện Hoàng Su Phì và Xín Mần, diện tích tự nhiên 1.211,3 km², dân số chiếm 15,9%. *Vùng III* là vùng núi thấp gồm các huyện Bắc Quang, Vị Xuyên, Bắc Mê, Quang Bình và thị xã Hà Giang là vùng trọng điểm kinh tế của Hà Giang, diện tích tự nhiên 4.320,3 km², dân số chiếm 49,8%.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

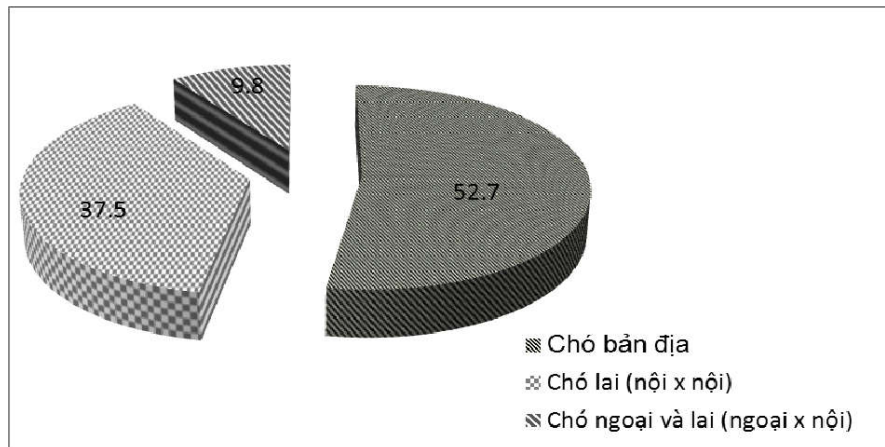
Số liệu thu thập được xử lý thống kê bằng phần mềm Excel, 2003 độ tin cậy $\alpha = 0,05$.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần, tỷ lệ các loại chó nhà tại tỉnh Hà Giang

Qua các tuyến khảo sát trên địa bàn tỉnh Hà Giang, chúng tôi đã quan sát được 5.200 cá thể chó nhà và ghi nhận được 2.741 cá thể chó bản địa, 1.950 cá thể chó lai (những cá thể xuất hiện đặc điểm của nhiều giống khác nhau) và 509 cá thể chó ngoại và lai ngoại. Kết quả về tỷ lệ các nhóm chó nhà trên địa bàn tỉnh Hà Giang được trình bày ở biểu đồ 1.

Biểu đồ 1. Tỷ lệ các nhóm chó tại tỉnh Hà Giang



Biểu đồ 1 cho thấy, trên địa bàn tỉnh Hà Giang tồn tại các nhóm chó là chó bản địa, chó lai (nội x nội), chó ngoại và lai ngoại x nội với tỷ lệ tương ứng là 52,7; 37,5 và 9,8%. Cũng qua biểu đồ 1 chúng tôi thấy tỷ lệ nhóm chó lai chiếm tỷ lệ tương đối cao là 37,5%. Mặc dù tỷ lệ của nhóm chó này thấp hơn nhóm chó bản địa nhưng nó phản ánh chiều hướng gia tăng của chó lai khi mà phần lớn những cá thể chó trưởng thành giao phối với nhau một cách tự nhiên, không có kiểm soát, giám sát của con người. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc bảo vệ và nhân thuần các dạng chó bản địa. Mặt khác trong quá trình khảo sát thực địa chúng tôi nhận thấy những hộ dân nuôi nhóm chó ngoại, chó lai (ngoại x nội), thường là những hộ có điều kiện về kinh tế, mức ăn và chăm sóc chó thường tốt hơn những hộ nuôi chó bản địa. Với tình trạng như vậy, theo ước tính chỉ sau một vài năm tỷ lệ chó bản địa sẽ bị giảm xuống rõ rệt và có sự tăng nhanh của nhóm chó lai, chó ngoại và lai ngoại.

3.2. So sánh tỷ lệ các nhóm chó của tỉnh Hà Giang và một số tỉnh khác

Để thấy được mức độ thâm nhập, lan truyền của các giống chó ngoại lai (chó ngoại nhập) vào Việt Nam phụ thuộc vào điều kiện địa lý, địa hình và xã hội chúng tôi đã so sánh tỷ lệ các nhóm chó: Chó bản địa, chó lai, chó ngoại giữa tỉnh Hà Giang với các tỉnh Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Thái Nguyên, kết quả được trình bày ở bảng 1. Bảng 1 cho thấy, tỉnh Điện Biên có tỷ lệ chó bản địa cao nhất. Tiếp đến là Hà Giang, Lào Cai, Sơn La, và thấp nhất là Thái Nguyên. Qua đây chúng ta thấy rằng điều kiện địa hình phức tạp, khi hệ thống giao thông kém phát triển, dân cư sống rải rác, cách xa đường giao thông thì tỷ lệ chó bản địa cao, chó ngoại và chó lai thấp. Ở các tỉnh có đường giao thông phát triển, thuận tiện, người dân có kinh tế cao tỷ lệ chó bản địa thấp và chó ngoại, chó lai cao.

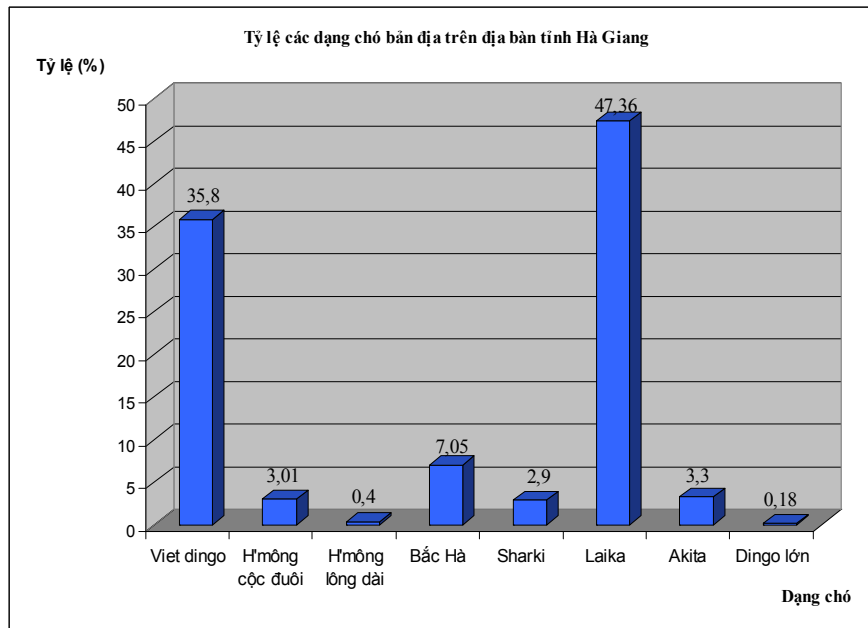
Bảng 1. So sánh tỷ lệ các nhóm chó của tỉnh Hà Giang và một số tỉnh khác

Tên tỉnh	Tổng số chó theo dõi (con)	Tỷ lệ các dạng chó (%)		
		Chó bản địa	Chó lai (nội x nội)	Chó ngoại
Hà Giang	5.200	52,71	37,50	9,79
Điện Biên	4.725	56,32	29,59	14,10
Lào cai	6.320	47,03	32,96	20,02
Yên Bái	3.320	47,38	34,73	17,86
Sơn La	2.670	45,17	34,34	20,49
Thái Nguyên	3.720	30,11	45,13	24,76

3.3. Thành phần tỷ lệ các dạng chó bản địa

Qua các chuyến khảo sát trên địa bàn tỉnh Hà Giang từ năm 2006 đến năm 2011 dựa vào đặc điểm kiểu hình, bước đầu chúng tôi đã phân loại được 8 dạng chó bản địa trên địa bàn tỉnh là Việt dingo; H'mông cọc đuôi (đã được công nhận giống cấp quốc gia 9/2009); H'mông lông dài; Bắc Hà; Sharki; Laika; Akita; Dingo lớn. Tỷ lệ về thành phần dạng chó bản địa được trình bày ở biểu đồ 2.

Biểu đồ 2. Tỷ lệ các dạng chó bản địa trên địa bàn tỉnh Hà Giang



Biểu đồ 2 cho thấy, dạng chó Laika chiếm tỷ lệ cao nhất 47,36%; tiếp đến là Việt dingoo 35,8%, thấp nhất là Dingo lớn 0,18%. Các dạng khác như H'mông cộc đuôi, Akita, Bắc Hà, Sharki và H'mông lông dài chiếm tỷ lệ lần lượt là 3,01%, 3,3%, 7,05%, 2,9% và 0,4%. Các dạng chó này tồn tại đan xen lẫn nhau tạo thành quần thể chó bản địa tại Hà Giang. Theo kết quả công bố của Nguyễn Tiến Tùng và cs (2011), hiện nay tại các tỉnh Bắc bộ và Bắc Trung bộ tồn tại 13 dạng chó bản địa. Điều này cho thấy thành phần dạng chó bản địa tại Hà Giang khá phong phú. Trong đó đáng chú ý là giống chó H'mông cộc đuôi do Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga công bố (Đã được Hiệp hội giống chó Việt Nam công nhận 9/2009). Với những đặc điểm nổi bật của giống chó này, trong những năm gần đây, nhu cầu nuôi giống chó H'mông cộc đuôi tại nước ta rất cao, đặc biệt là tại các thành phố lớn. Vì vậy, Hà Giang đang trở thành nơi cung cấp giống chó này cho cả nước. Điều này góp phần cải thiện đáng kể đời sống người dân địa phương, giống chó của người H'mông được biết đến nhiều hơn. Ngược lại, nếu không có chính sách nhân nuôi, quản lý và khai thác hợp lý thì trong thời gian không xa, giống chó này của người dân sẽ bị cạn kiệt.

3.4. Đặc điểm phân bố của chó nhà

Loài chó nhà được thuần hóa và gắn liền với cuộc sống của con người. Do đó, ở những nơi có con người sinh sống, hoạt động thì có sự xuất hiện của chó nhà. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế khác nhau mà xuất hiện các dạng chó nhà khác nhau. Trên cơ sở đó chúng tôi tiến hành khảo sát và thống kê sự phân bố của các dạng chó ở các tiểu vùng sinh thái khác nhau. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Tỷ lệ phân bố của các dạng chó nhà tại các khu vực

Giống, dạng chó	Vùng phân bố		
	Vùng thấp núi đất (%)	Vùng cao núi đất (%)	Vùng cao núi đá (%)
H'mông cộc đuôi	0,75	1,18	2,75
H'mông lông dài	0,07	0,15	0,39
Laika	20,73	24,34	29,12
Akita	1,37	1,53	2,24
Bắc Hà	1,57	5,11	3,93
Việt Dingo	21,89	23,01	11,90
Sharki	0,96	1,53	1,96
Dingo lớn	0,00	0,20	0,06
Lai	32,15	35,28	44,33
Ngoại	20,52	7,67	3,31

Bảng 2 cho thấy, phần lớn các dạng chó bản địa tập trung chủ yếu ở các vùng cao núi đá và vùng cao núi đất, là nơi tập trung sinh sống của các đồng bào dân tộc thiểu số và có mật độ dân cư thưa thớt. Cụ thể, tỷ lệ giống H'mông cộc đuôi tại vùng cao núi đá là 2,75%, vùng cao núi đất là 1,18%, trong khi đó tỷ lệ này ở vùng thấp núi đất chỉ chiếm 0,75%. Tương tự như giống chó H'mông cộc đuôi, dạng chó H'mông lông dài tuy chiếm tỷ lệ nhỏ trong khu hệ chó nhà tại Hà Giang, nhưng tập trung chủ yếu ở tiểu vùng sinh thái có địa hình cao. Trong khi đó dạng chó Bắc Hà và Dingo lớn tập trung chủ yếu ở vùng cao núi đất với tỷ lệ lần lượt là 5,11% và 0,2%. Trong quá trình nghiên cứu khảo sát thực tế chúng tôi thấy hai dạng chó này tập trung chủ yếu các huyện Xín Mần và Hoàng Su Phì. Các dạng chó bản địa như Laika, Akita, Sharki, Việt dingo cũng có xu hướng phân bố nhiều hơn ở vùng cao núi đá và vùng cao núi đất.

Qua bảng 2 chúng tôi thấy, tỷ lệ chó lai tại vùng cao núi đá (44,33%), vùng cao núi đất (35,28%), cao hơn vùng thấp núi đất (32,15%). Điều này, theo chúng tôi, do vùng cao núi đá và vùng cao núi đất có số lượng cá thể chó nhiều, đa dạng hơn so với vùng thấp núi đất. Mặt khác vùng này tập trung chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống còn gặp nhiều khó khăn, chó chủ yếu được chăn nuôi theo phương thức truyền thống, đến thời kỳ động dục chó giao phối tự do, dẫn đến xuất hiện nhiều dạng chó lai. Khác với các dạng chó bản địa, dạng chó ngoại và lai ngoại tập trung chủ yếu ở vùng thấp núi đất với tỷ lệ 20,52%, nguyên nhân theo chúng tôi, do chi phí cho một con chó ngoại và lai ngoại ở nước ta còn cao. Mặt khác điều kiện kinh tế của người dân vùng này cao hơn dẫn đến tỷ lệ giống chó ngoại và lai ngoại vùng thấp núi đất cao hơn so với các vùng khác.

3.5. Phương thức chăn nuôi chó nhà của người dân địa phương

Trong các chuyến khảo sát chúng tôi đã tiến hành theo dõi phương thức chăn nuôi của người dân địa phương. Kết quả được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Tỷ lệ phương thức chăn nuôi của người dân địa phương

Vùng khảo sát	Phương thức chăn nuôi (%)		
	Nuôi nhốt	Thả rông	Kết hợp
Vùng thấp núi đất	30,03	24,96	45,01
Vùng cao núi đất	17,02	32,98	50,00
Vùng cao núi đá	8,98	42,03	48,99

Bảng 3 cho thấy, tỷ lệ chó thả rông tự do tại vùng cao núi đá lớn nhất (42,03%), tiếp đến là vùng cao núi đất (32,98%), vùng thấp núi đất có tỷ lệ thấp hơn với (24,96%). Đồng thời, qua bảng 3 cũng cho thấy rằng, tỷ lệ nuôi nhốt lại có xu hướng ngược lại. Thấp nhất ở vùng cao núi đá (8,98%) và cao nhất ở vùng thấp núi đất (30,03%). Tỷ lệ nuôi kết hợp (nuôi nhốt kết hợp thả rông) cao nhất tại vùng cao núi đất (45,01%) và thấp nhất tại vùng thấp núi đất (45,01%). Tỷ lệ thả rông tự do cao và nuôi nhốt thấp gây khó khăn trong công tác quản lý giống, cũng như công tác phòng trừ dịch bệnh trên quần thể chó tại tỉnh Hà Giang.

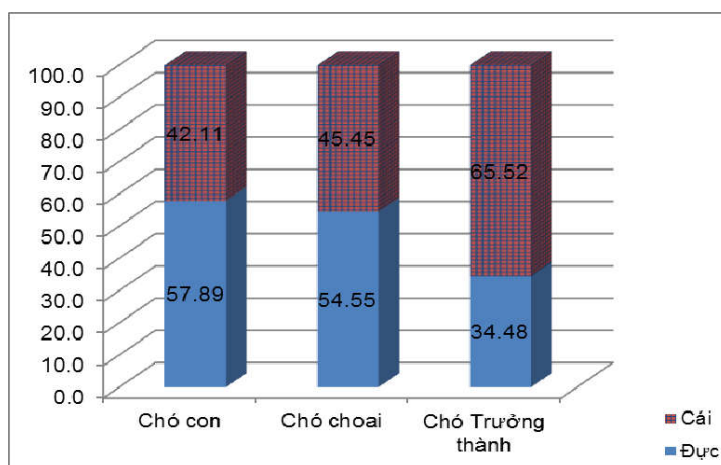
3.6. Tỷ lệ đực, cái của các dạng chó nhà tại Hà Giang

Tỷ lệ chó đực - chó cái có vai trò quan trọng trong sự phát triển số lượng của quần thể, đồng thời, đây cũng là chỉ số đặc trưng cho từng loài và từng khu vực. Do đó, chúng tôi đã tiến hành khảo sát tỷ lệ đực - cái của quần thể chó nhà ở các giai đoạn chó con, chó choai, chó trưởng thành trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Kết quả được trình bày ở biểu đồ 3.

Biểu đồ 3 cho thấy, tỷ lệ đực cái ở giai đoạn trưởng thành có sự khác biệt đối với giai đoạn chó choai và chó con.

Ở giai đoạn chó con, số lượng cá thể đực chiếm ưu thế hơn hẳn. Tỷ lệ cá thể đực và cá thể cái lần lượt là 54,5% và 45,5%. Khi bước sang giai đoạn chó choai, tỷ lệ chó đực có xu hướng giảm dần. Lúc này tỷ lệ chó đực chỉ còn 51,27%, song vẫn cao hơn tỷ lệ cá thể cái (48,73%). Đến giai đoạn trưởng thành, tỷ lệ đực - cái hoàn toàn bị đảo ngược so với giai đoạn chó con và chó choai: Tỷ lệ cá thể cái cao hơn cá thể đực. Cụ thể, ở giai đoạn này tỷ lệ cá thể cái đạt 61,48%, trong khi đó tỷ lệ cá thể đực giảm xuống còn có 38,52%. Theo chúng tôi, sở dĩ có hiện tượng như vậy là do có sự tác động của con người. Do giá trị kinh tế của những cá thể cái trong quá trình sinh sản mang lại, cùng với tập quán sử dụng chó nhà của người dân nên những cá thể cái được ưa chuộng và nuôi giữ nhiều hơn cá thể đực.

Biểu đồ 3. Tỷ lệ đực cái của loài chó nhà nuôi tại Hà Giang theo giai đoạn phát triển



IV. KẾT LUẬN

1. Tỉnh Hà Giang có tỷ lệ chó bản địa khá cao.
 2. Đã ghi nhận được 8 dạng chó bản địa với tỷ lệ khác nhau, trong đó có chó H'mông cộc đuôi là giống đã được công nhận giống cấp quốc gia.
 3. Các giống và dạng chó bản địa tập trung chủ yếu ở vùng cao núi đá và vùng cao núi đất, còn giống chó ngoại, lai ngoại tập trung nhiều ở vùng thấp núi đất.
 4. Ở giai đoạn chó con và chó choai, tỷ lệ chó đực chiếm ưu thế, song đến giai đoạn trưởng thành tỷ lệ chó cái lại cao hơn.
 5. Phương thức chăn nuôi chủ yếu của người dân địa phương là nuôi kết hợp và thả rông tự do, gây khó khăn trong công tác quản lý giống và phòng bệnh.
- Cần có biện pháp bảo tồn và gìn giữ nguồn gen chó bản địa trước nguy cơ bị lai tạp với các giống chó ngoại, bị giết thịt, hoặc lai tạp giữa các giống chó bản địa với nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Pháp lệnh giống vật nuôi*, 2004, NXB ST chính trị Quốc Gia.
2. Nguyễn Tiến Tùng, Đinh Thế Dũng, Trần Hữu Côi, Bùi Xuân Phương, Nguyễn Văn Thanh, (2011), “Thành phần khu hệ chó nhà tại một số tỉnh phía Bắc và Bắc Trung bộ Việt Nam”, *Tạp chí KHKT Chăn Nuôi*, số 144/3, tr.29-34.
3. Đỗ Xuân Thanh, Nguyễn Thiện, Võ Văn Sự, (1996), “Đặc điểm chó thuần, lai nghiệp vụ tại trường 24”, *Tạp chí Chăn nuôi*, vol.2(3), tr.286-293.

4. Trần Anh Tuấn, Nguyễn Thiện, Đỗ Xuân Thanh, Võ Văn Sự (1993), “Một số đặc điểm sinh học của một số giống chó nghiệp vụ nước ta”, *Tuyển tập các công trình nghiên cứu chăn nuôi*, Viện chăn nuôi, NXB NN, tr.154-161.
5. Vladimir Sokolov, 2001, *Dogs of the World*, Mockva Actrel AST.

SUMMARY

DOMESTIC DOG FAUNA IN HA GIANG PROVINCE VIETNAM

The domestic dog fauna in Hagiang province of Vietnam was investigated. It is found that Ha giang domestic dogs are in high proportion and consist of 8 types, among which the H'mong dogs with shorttail as a Vietnamese national breed were discovered. The Vietnamese domestic dogs are distributed mainly in high mountains while the group of hybrid and exotic domestic dogs are found mainly in low mountains. The result of the observation shows that the ratio of the male domestic dogs in the young stage is high, but in the adult stage it is low. The breeding method of domestic dogs in Ha giang province is mainly natural, so it is difficult to control the breeding process and veterinary work.

Keywords: Domestic dog, Hagiang domestic dog

Nhận bài ngày 14 tháng 02 năm 2013

Hoàn thiện ngày 23 tháng 02 năm 2013

Viện Sinh thái nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga